

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 05-02-2024
V/v " ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành
2. Ông Nguyễn Văn Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Hương - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc " ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Công V, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà 130, khu dân cư Th, phường S, thành phố C, tỉnh H.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh H.

Anh V, người đại diện theo ủy quyền của anh V vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); chị L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Hoàng Công V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L được tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 17/4/1990 có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại

thôn C, xã C, huyện C (nay là khu dân cư C, phường C, thành phố C), tỉnh H. Vợ chồng chung sống từ năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về quan điểm, tính cách và lối sống cũng như trong việc làm ăn kinh tế. Do vợ chồng không có tiếng nói chung, công việc làm ăn của anh thường xuyên phải vắng nhà nên vợ chồng ít gặp nhau. Năm 2012 chị L có vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án và vợ chồng chính thức ly thân nhau từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân anh và chị L không quan tâm, nói chuyện và liên hệ với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị L1, sinh năm 1990 và Hoàng Nhật C, sinh năm 1993 cả hai con chung đều khỏe mạnh bình thường và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V xác định anh chị có tài sản chung là thửa đất số 37 tờ bản đồ số 04 diện tích 372 m² có địa chỉ tại Đ, H, C nguồn gốc là do anh chị mua và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị L từ năm 1999. Trên đất có xây dựng nhà ở, công trình phụ và cây cối. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia theo quy định của pháp luật. Ngoài ra một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình giá trị không lớn anh không yêu cầu giải quyết. Sau đó anh thay đổi quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị được biết anh V làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau Ngày cưới hai vợ chồng về khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H sinh sống. Do tình hình kinh tế khó khăn năm 2003 anh V có bàn với chị là đi xuất khẩu lao động kiếm tiền trả nợ. Năm 2008 anh V về nước nhưng cũng không có tiền trả nợ, đến năm 2009 chị có sang Malaysia tìm anh nhưng anh không về. Năm 2015 anh V về nước nhưng không gặp chị và các con. Các con của anh chị xây dựng gia đình anh V đều về tham dự xong và đi ngay. Chị cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn mà do anh V có người phụ nữa khác ở bên ngoài và đã có con, về việc này chị đã có đơn và Tòa án cũng đã có thông báo cùng phiếu chuyển đơn đến cơ quan Công an thành phố Chí Linh xem xét giải quyết theo quy định. Hiện nay anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh V xin ly hôn chị không đồng ý. Nếu anh V vẫn kiên quyết ly hôn thì đề nghị anh V về nói

chuyện với chị. Anh V muốn ly hôn thì Tòa án cứ căn cứ theo quy định, chị vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Thị L1, sinh ngày 22/12/1990 và Hoàng Nhật C, sinh ngày 22/7/1993. Hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi, khoẻ mạnh bình thường và đã có gia đình riêng, đã tự lập được cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định anh chị có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh với trưởng khu dân cư C, phường C và trưởng khu dân cư D, phường H đều xác định anh chị có đăng ký kết hôn, có chung sống với nhau, có mâu thuẫn cụ thể mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được, chỉ biết anh chị đã sống ly thân chị L ở H còn anh V đã về C sinh sống và đi làm ăn.

Tại phiên tòa anh V, người đại diện theo ủy quyền của anh V, chị L đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Hoàng Công V được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: 02 con chung là Hoàng Thị L1, sinh ngày 22/12/1990 và Hoàng Nhật C, sinh ngày 22/7/1993 hiện nay đều đã trưởng thành có gia đình riêng nên anh V và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung anh V, chị L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng Công V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Hoàng Công V có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Nguyễn Thị L đăng kí hộ khẩu thường trú tại: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và anh V có đề nghị xét xử vắng mặt, chị Liên vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Vững, chị Liên.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Công V và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu cuộc sống của anh chị hòa thuận bình thường. Mâu thuẫn phát sinh từ khi anh V đi xuất khẩu lao động và ít về nhà. Vợ chồng từ đó xa nhau và dẫn đến tình cảm lạnh nhạt dần. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không được cải thiện dù gia đình hai bên đã nhiều lần hoà giải, anh chị ly thân hơn 10 năm nay, anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh V và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho anh V được ly hôn chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: anh chị có 02 con chung là Hoàng Thị L1, sinh ngày 22/12/1990 và Hoàng Nhật C, sinh ngày 22/7/1993. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của anh V đã rút yêu cầu phân chia tài sản chung. Xét việc rút yêu cầu của anh V là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ đối với phần yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do vậy không đặt ra việc giải quyết về tài sản chung. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Anh V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 244; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Công V được ly hôn chị Nguyễn Thị L .

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Thị L1, sinh ngày 22/12/1990 và Hoàng Nhật C, sinh ngày 22/7/1993. Các con hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Anh V , chị L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Hoàng Công V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0003001 ngày 10-5-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Anh V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh V tạm ứng án phí chia tài sản chung là 11.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0003045 ngày 29-6-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Đường sự;
- UBND phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Anh